TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Võ Văn Tường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1988

ĐKTT: X H, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: số Z B, phường J, quận B, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Bị đơn: ông **Đặng Chí T**, sinh năm 1990

ĐKTT: ấp P, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: số K H, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: bà và ông Đặng Chí T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/3/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bà và ông T đã sống ly thân với nhau đến nay. Hiện tại cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu

được ly hôn với ông T. Về con chung, có 02 con chung tên Đặng Ái K (nữ), sinh ngày 24/01/2016 và Đặng Tuấn K1 (nam), sinh ngày 15/7/2021, bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Theo bản tự khai ngày 15/10/2024 ông Đặng Chí T trình bày: năm 2016 ông và bà Nguyễn Thị Thu N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/3/2016. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống ông bà không thể hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Ông và bà N có hai người con là Đặng Ái K (nữ), sinh ngày 24/01/2016 và Đặng Tuấn K1 (nam), sinh ngày 15/7/2021. Hiện các con đang do bà N nuôi dưỡng nên ông thống nhất giao 02 con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Đặng Chí T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/3/2016 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu nuôi con, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và nuôi con". Ông T đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2024 nhưng phía ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 14/11/2024 bà N cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Đặng Chí T đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc từ năm 2016, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vả và ông bà đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng

giữa bà N và ông T đã sống ly thân thời gian dài, bà N khởi kiện xin ly hôn còn phía ông T cũng đồng ý ly hôn. Xét, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông T, bà N.

[4] Về con chung, ông T, bà N có hai người con chung tên Đặng Ái K (nữ), sinh ngày 24/01/2016 và Đặng Tuấn K1 (nam), sinh ngày 15/7/2021. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng các con, phía ông T cũng đồng ý giao 02 con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời cháu K cũng muốn sống với mẹ. Do đó, cần tiếp tục giao hai người con cho bà N nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà N xác định không có, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N với ông Đặng Chí T.

- Về con chung: giao Đặng Ái K (nữ), sinh ngày 24/01/2016 và Đặng Tuấn K1 (nam), sinh ngày 15/7/2021 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà N nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006575 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND phường B;
- Lưu HS (2b).